

**Công Ty TNHH Một Thành Viên
Quản Lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

ĐIỀU LỆ

Ngày 23 tháng 08 năm 2016

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. NHỮNG ĐIỀU KHOẢN CHUNG	5
Điều 1. Định nghĩa	5
Điều 2. Tên Công ty	6
Điều 3. Hình thức sở hữu và phạm vi trách nhiệm	7
Điều 4. Địa chỉ trụ sở chính, chi nhánh và văn phòng đại diện tại Việt Nam	7
Điều 5. Nghiệp vụ kinh doanh	8
Điều 6. Thời hạn hoạt động	8
Điều 7. Người đại diện theo pháp luật	8
CHƯƠNG II. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY	9
Điều 8. Vốn điều lệ và điều chỉnh Vốn điều lệ	9
Điều 9. Chủ sở hữu	9
Điều 10. Quyền của Chủ sở hữu	9
Điều 11. Nghĩa vụ của Chủ sở hữu	10
Điều 12. Hạn chế đối với quyền của Chủ sở hữu.....	11
CHƯƠNG III. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CÔNG TY	12
Điều 13. Cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty	12
Điều 14. Hội đồng Thành viên	12
Điều 15. Tổng Giám đốc Điều hành.....	16
Điều 16. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc Điều hành.....	16
Điều 17. Quyền và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc Điều hành.....	17
Điều 18. Các chức danh quản lý khác	17
Điều 19. Thù lao, tiền lương và thưởng của Ban điều hành, Kiểm soát viên	18
Điều 20. Kiểm soát nội bộ và các hoạt động	18
Điều 21. Kiểm toán nội bộ và Kiểm soát của Chủ sở hữu	20
Điều 22. Kiểm soát viên.....	21
Điều 23. Nghĩa vụ của Đại diện của Hội đồng Thành viên, Tổng Giám đốc Điều hành và Kiểm soát viên	22
Điều 24. Hợp đồng và Giao dịch của Công ty với Người có liên quan	23
CHƯƠNG IV. TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ VÀ HẠN CHẾ TRONG HOẠT ĐỘNG	25
Điều 25. Các quy định về trách nhiệm và nghĩa vụ của Công ty.....	25

Điều 26.	Hạn chế đối với hoạt động của Công ty và nhân viên làm việc tại Công ty.....	32
Điều 27.	Ủy quyền hoạt động.....	34
Điều 28.	Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với khách hàng ủy thác và thay thế công ty quản lý Quỹ khác.....	37
Điều 29.	Nguyên tắc giải quyết tranh chấp.....	38

CHƯƠNG V. TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY.....39

Điều 30.	Hệ thống kế toán.....	39
Điều 31.	Năm tài chính.....	39
Điều 32.	Kế toán, kiểm toán, thuế.....	39
Điều 33.	Phân phối lợi nhuận.....	39
Điều 34.	Chế độ báo cáo và công bố thông tin.....	40

CHƯƠNG VI. GIẢI THỂ, PHÁ SẢN, TÁI CƠ CẤU CÔNG TY.....42

Điều 35.	Giải thể Công ty.....	42
Điều 36.	Phá sản Công ty.....	42
Điều 37.	Tái cơ cấu Công ty.....	42
Điều 38.	Chuyển đổi loại hình Công ty.....	43

CHƯƠNG VII. QUY ĐỊNH VỀ LAO ĐỘNG VÀ BẢO HIỂM.....44

Điều 39.	Quản lý lao động.....	44
Điều 40.	Bảo hiểm.....	44

CHƯƠNG VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....45

Điều 41.	Hiệu lực của Điều lệ.....	45
Điều 42.	Sửa đổi, bổ sung Điều lệ.....	45
Điều 43.	Văn bản tiếng Việt và tiếng Anh.....	45
Điều 44.	Ngôn ngữ làm việc.....	45
Điều 45.	Điều khoản từ bỏ.....	45
Điều 46.	Luật điều chỉnh.....	45
Điều 47.	Đã ký Điều lệ và chữ ký.....	45

CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 (“Luật Doanh nghiệp”) và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
 - Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006 (“Luật Chứng khoán”);
 - Luật số 62/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
 - Nghị định số 58/2012/NĐ-CP của Chính phủ ngày 20 tháng 07 năm 2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
 - Nghị định số 60/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26 tháng 06 năm 2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP;
 - Thông tư số 212/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 05 tháng 12 năm 2012 hướng dẫn thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ; và
 - Các văn bản pháp luật khác có liên quan của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Các văn bản pháp luật nêu trên tự động dẫn chiếu đến văn bản sửa đổi, bổ sung tương ứng tùy từng thời kỳ.

CHƯƠNG I. NHỮNG ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Định nghĩa

- 1.1 Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:
- (a) **“Công ty”** có nghĩa là Công ty TNHH Một Thành Viên Quản Lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam;
 - (b) **“Điều lệ”** có nghĩa là điều lệ và các văn bản khác đính kèm theo đây (nếu có) được xây dựng làm cơ sở cho các quy định và tiêu chuẩn của Công ty, có thể được sửa đổi hay bổ sung tùy từng thời kỳ, và được ký bởi người đại diện theo ủy quyền của Chủ sở hữu và người đại diện theo pháp luật của Công ty;
 - (c) **“Vốn điều lệ”** có nghĩa là số vốn do Chủ sở hữu thực góp và được ghi vào Điều lệ;
 - (d) **“Luật Chứng khoán”** có nghĩa là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006 (“Luật Chứng khoán”) và Luật số 62/2010/QH12 đã được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 24 tháng 11 năm 2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
 - (e) **“Luật Doanh nghiệp”** có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
 - (f) **“Pháp luật”** là tất cả luật, nghị định, quyết định, thông tư, quy định, và các văn bản pháp luật khác được ban hành bởi bất kỳ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cũng như các thông lệ quốc tế, hiệp định, hiệp ước và các cam kết mà Việt Nam là thành viên (cũng như các sửa đổi bổ sung của chúng), áp dụng đối với Công ty;
 - (g) **“Chủ sở hữu”** có nghĩa là chủ sở hữu của Công ty, Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ Dai-ichi Việt Nam;
 - (h) **“Đại diện của Hội đồng Thành viên”** hay **“Đại diện”** có nghĩa là thành viên (các thành viên) của Hội đồng thành viên;
 - (i) **“Hội đồng Thành viên”** có nghĩa là Hội đồng Thành viên của Công ty;
 - (j) **“Ban điều hành”** có nghĩa là nhân sự quản lý bao gồm Tổng Giám đốc Điều hành, Phó Tổng Giám đốc Điều hành, Giám đốc Tài chính/Kế toán trưởng, và các Người đứng đầu phòng ban của Công ty;
 - (k) **“Chủ tịch”** có nghĩa là Chủ tịch Hội đồng Thành viên của Công ty;

- (l) “**Kiểm soát viên**” có nghĩa là Kiểm soát viên của Công ty;
- (m) “**Người có liên quan**” là những người liên quan theo quy định tại Điều 6.34 Luật Chứng khoán;
- (n) “**Việt Nam**” có nghĩa là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- (o) “**UBCKNN**” được hiểu là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, cơ quan Nhà nước chịu trách nhiệm về chứng khoán và thị trường chứng khoán trực thuộc Bộ Tài chính của Việt Nam;
- (p) “**Ngân hàng Giám sát**” là ngân hàng thương mại có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán có chức năng thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán;
- (q) “**VND**” có nghĩa là đồng tiền hợp pháp của Việt Nam;
- (r) “**USD**” có nghĩa là đồng tiền hợp pháp của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ;
- (s) “**Công ty (Các Công ty) Đầu tư Chứng khoán**” có nghĩa là quỹ đầu tư chứng khoán được tổ chức dưới dạng công ty cổ phần theo quy định của Pháp luật.

1.2 Trừ trường hợp ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những nguyên tắc sau đây sẽ được áp dụng:

- (a) Việc tham chiếu tới bất kỳ văn bản nào được ban hành bởi bất kỳ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế của văn bản đó tùy từng thời kỳ;
- (b) Các tiêu đề của các điều khoản đưa vào Điều lệ này sẽ phục vụ cho mục đích tham khảo thuận tiện và sẽ không ảnh hưởng đến việc giải thích của Điều lệ này. Bất kỳ việc tham chiếu tới một điều khoản của Điều lệ này sẽ được hiểu là tham chiếu đến nội dung của điều khoản đó;
- (c) Việc tham chiếu tới ngày tháng sẽ được xem như ngày tháng mà các ngân hàng tại Việt Nam mở cửa để thực hiện các giao dịch bình thường;
- (d) Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

Điều 2. Tên Công ty

2.1 Tên đầy đủ viết bằng tiếng Việt:

Công Ty TNHH Một Thành Viên Quản Lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

2.2 Tên đầy đủ viết bằng tiếng Anh:

Dai-ichi Life Vietnam Fund Management Company Limited

2.3 Tên giao dịch:

Công Ty Quản Lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

2.4 Tên viết tắt:

DFVN

2.5 Việc thay đổi tên của Công ty do Chủ sở hữu quyết định và phải được sự chấp thuận của UBCKNN.

Điều 3. Hình thức sở hữu và phạm vi trách nhiệm

3.1 Hình thức sở hữu:

Công ty được tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, có tư cách pháp nhân riêng, có con dấu riêng, độc lập về tài chính với Chủ sở hữu với tài khoản tách biệt độc lập, và tồn tại, hoạt động theo Giấy phép và Pháp luật.

Công ty có thể chuyển thành công ty cổ phần trong tương lai theo quyết định của Chủ sở hữu, phải được sự chấp thuận của UBCKNN hoặc các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác tại Việt Nam theo quy định của Pháp luật.

3.2 Phạm vi trách nhiệm:

Chủ sở hữu chỉ chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản của Công ty trong phạm vi số vốn góp của mình và không chịu trách nhiệm bằng bất kỳ phương thức nào với Công ty hoặc bất kỳ bên thứ ba nào ngoài phạm vi vốn góp của mình.

3.3 Chủ sở hữu không góp bất kỳ khoản tiền nào vào Công ty, ngoại trừ:

(a) Theo quyết định của chính Chủ sở hữu; hoặc

(b) Khi việc góp vốn của Chủ sở hữu vào Vốn pháp định không đủ theo quy định của Pháp luật.

3.4 Chủ sở hữu không chịu trách nhiệm về các khoản nợ, tổn thất, chi phí hoặc các chi phí liên quan đến hoặc phát sinh từ các hoạt động của Công ty vượt quá số vốn Chủ sở hữu góp vào Công ty.

3.5 Công ty được thành lập dựa trên sự tự nguyện góp vốn của Chủ sở hữu.

Điều 4. Địa chỉ trụ sở chính, chi nhánh và văn phòng đại diện tại Việt Nam

4.1 Trụ sở chính của Công ty:

Địa chỉ: Tầng Trệt, 149-151 Nguyễn Văn Trỗi, phường 11, quận Phú Nhuận, TP.HCM

4.2 Tùy theo nhu cầu của mình, Công ty có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, địa chỉ chi nhánh và địa chỉ văn phòng đại diện. Việc thành lập hoặc thay đổi nêu trên sẽ phải được sự chấp thuận bằng văn bản hoặc báo cáo cho UBCKNN và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 5. Nghiệp vụ kinh doanh

- 5.1 Công ty được phép tiến hành các hoạt động kinh doanh đã ghi trong Giấy phép thành lập và hoạt động do UBCKNN cấp, bao gồm các hoạt động sau:
- (a) Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
 - (b) Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
 - (c) Tư vấn đầu tư chứng khoán; và
 - (d) Các nghiệp vụ khác theo quy định của Pháp luật và được sự chấp thuận của UBCKNN.
- 5.2 Trong suốt thời gian hoạt động, Công ty có thể sửa đổi hoặc bổ sung nghiệp vụ kinh doanh theo quy định Pháp luật và sự chấp thuận của Hội đồng thành viên và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 6. Thời hạn hoạt động

Thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động cho đến khi giải thể theo quyết định của Chủ sở hữu hoặc theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 7. Người đại diện theo pháp luật

- 7.1 Tổng Giám đốc Điều hành là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Tổng Giám đốc Điều hành có các quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Điều lệ này. Người đại diện theo pháp luật sẽ đại diện Công ty trước các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, tòa án, và các doanh nghiệp khác cho các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty theo quy định tại Điều lệ này cũng như theo nghị quyết của Hội đồng Thành viên. Người đại diện theo pháp luật được phép ủy quyền cho Đại diện hoặc Ban điều hành để thực hiện trách nhiệm của mình quy định tại Điều khoản này.
- 7.2 Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải thường trú tại Việt Nam; trường hợp vắng mặt ở Việt Nam trên ba mươi (30) ngày thì phải ủy quyền cho thành viên khác của Công ty để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật Công ty được quy định trong Điều lệ này.
- 7.3 Người đại diện theo pháp luật của Công ty
- | | |
|--|---------------------|
| Tên: TRẦN CHÂU DANH | Giới tính: Nam |
| Sinh ngày: 06/04/1974 | Quốc tịch: Việt Nam |
| Hộ chiếu số: 022673905 | |
| Cấp ngày: 17/04/2015 bởi Công an thành phố Hồ Chí Minh | |

CHƯƠNG II. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY

Điều 8. Vốn điều lệ và điều chỉnh Vốn điều lệ

- 8.1. Vốn điều lệ của Công ty là 25.000.000.000 VNĐ (hai mươi lăm tỷ đồng Việt Nam) do Chủ sở hữu đóng góp bằng tiền mặt.
- 8.2. Chủ sở hữu quyết định phương thức chuyển vốn cho Công ty, được ghi nhận tại các tài khoản của Công ty.
- 8.3. Trong suốt thời gian hoạt động của Công ty, tùy theo nhu cầu kinh doanh của Công ty, nếu cần thiết phải tăng Vốn điều lệ, Chủ sở hữu có thể sử dụng một hoặc cả hai phương thức sau đây:
 - (a) Tái đầu tư lợi nhuận của Công ty; và/hoặc
 - (b) Huy động thêm vốn góp.
- 8.4. Bất kỳ việc tăng Vốn điều lệ nào đều phải được sự chấp thuận của Chủ sở hữu, tuân theo quy định của Pháp luật, và được sự chấp thuận của UBCKNN trước và sau khi việc tăng Vốn điều lệ được thực hiện.
- 8.5. Chủ sở hữu có quyền bán, chuyển nhượng, chuyển giao, thế chấp hay cầm cố, hoặc xử lý toàn bộ hoặc một phần Vốn điều lệ, theo quy định của Pháp luật.

Điều 9. Chủ sở hữu

Thông tin chi tiết của Chủ sở hữu như sau:

- 9.1. Tên : Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ Dai-ichi Việt Nam
- 9.2. Địa chỉ : 149-151 Nguyễn Văn Trỗi, phường 11, quận Phú Nhuận, TP.HCM
- 9.3. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đình Quân
- 9.4. Quốc tịch : Việt Nam
- 9.5. Chức vụ : Tổng Giám đốc
- 9.6. Giấy phép đầu tư số: 2134/GP được cấp ngày 12/10/1999 bởi Bộ Kế hoạch và Đầu tư
- 9.7. Giấy phép điều chỉnh số: 14/GPĐC10/KDBH cấp ngày 18/01/2007 bởi Bộ Tài chính.
- 9.8. Ngành nghề kinh doanh: Bảo hiểm nhân thọ; Tái bảo hiểm; và các hoạt động đầu tư theo quy định của Pháp luật.

Điều 10. Quyền của Chủ sở hữu

Chủ sở hữu có các quyền sau đây:

- 10.1. Quyết định nội dung Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ.
- 10.2. Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh, mục tiêu tài chính, chính sách cơ bản của Công ty.

- 10.3. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý Công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Đại diện của Hội đồng Thành viên, Chủ tịch, Kiểm soát viên, và Ban điều hành của Công ty.
- 10.4. Quyết định các dự án đầu tư mang tính chiến lược của Công ty (không phải là quản lý tài sản của khách hàng hoặc các quỹ đầu tư) mà không phải là các hoạt động đầu tư thông thường có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty (không bao gồm tài sản của nhà đầu tư ủy thác và các quỹ do Công ty quản lý).
- 10.5. Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.
- 10.6. Thông qua hợp đồng vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty (không bao gồm tài sản của nhà đầu tư ủy thác và các quỹ do Công ty quản lý).
- 10.7. Quyết định bán tài sản của Công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty (không bao gồm tài sản của nhà đầu tư ủy thác và các quỹ do Công ty quản lý).
- 10.8. Quyết định tăng Vốn điều lệ của Công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ Vốn điều lệ của Công ty cho tổ chức, cá nhân khác.
- 10.9. Quyết định thành lập công ty con của Công ty, góp vốn vào công ty khác.
- 10.10. Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 10.11. Quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty.
- 10.12. Quyết định tái cơ cấu, giải thể và yêu cầu phá sản công ty.
- 10.13. Quyết định và chấp thuận các vấn đề kinh doanh quan trọng về đầu tư vốn và bố trí nguồn vốn.
- 10.14. Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của Công ty sau khi Công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản. Và
- 10.15. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ.

Điều 11. Nghĩa vụ của Chủ sở hữu

Chủ sở hữu có các nghĩa vụ sau đây:

- 11.1. Góp vốn đầy đủ và đúng hạn như đã cam kết.
- 11.2. Tuân thủ Điều lệ.
- 11.3. Xác định và tách biệt tài sản của Chủ sở hữu với tài sản của Công ty.

11.4. Tuân thủ quy định của Pháp luật về hợp đồng và Pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa Công ty và Chủ sở hữu. Và

11.5. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ.

Điều 12. Hạn chế đối với quyền của Chủ sở hữu

12.1. Chủ sở hữu chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số Vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới hình thức khác thì Chủ sở hữu phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty.

12.2. Chủ sở hữu không rút lợi nhuận khi Công ty chưa thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

CHƯƠNG III. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 13. Cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty

- 13.1. Công ty hoạt động theo hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.
- 13.2. Cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty bao gồm:
 - (a) Hội đồng Thành viên;
 - (b) Tổng Giám đốc Điều hành; và
 - (c) Kiểm soát viên.

Điều 14. Hội đồng Thành viên

- 14.1. Hội đồng Thành viên nhân danh Chủ sở hữu, tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu; có quyền nhân danh Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty; chịu trách nhiệm trước Pháp luật và Chủ sở hữu về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Pháp luật có liên quan.
- 14.2. Cơ cấu
Hội đồng Thành viên gồm các Đại Diện, được bổ nhiệm và bãi nhiệm hoàn toàn tùy thuộc và quyết định của Chủ sở hữu. Đại diện có thể là người có quốc tịch Việt Nam hoặc người có quốc tịch nước ngoài, cư trú tại Việt Nam hoặc nước ngoài.
Chủ sở hữu sẽ quyết định số Đại diện, có thể thay đổi trong phạm vi từ 3 (ba) đến 5 (năm) người, bằng văn bản vào từng thời điểm cụ thể.
- 14.3. Thời hạn đại diện
Nhiệm kỳ của Đại diện là ba (3) năm, có thể được gia hạn nếu được Chủ sở hữu tái bổ nhiệm.
- 14.4. Quyền
Trừ trường hợp Chủ sở hữu quyết định khác, Hội đồng Thành viên được Chủ sở hữu ủy quyền thực hiện các quyền sau đây:
 - (a) Quyết định sửa đổi và bổ sung Điều lệ của Công ty;
 - (b) Quyết định chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh và mục tiêu tài chính của Công ty;
 - (c) Quyết định cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty, quyết định bổ nhiệm và miễn nhiệm, Ban điều hành của Công ty;

- (d) Chấp thuận các dự án đầu tư mang tính chiến lược của Công ty (không phải là quản lý tài sản của khách hàng hoặc các quỹ đầu tư) mà không phải là các hoạt động đầu tư thông thường, có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty (không bao gồm tài sản của nhà đầu tư ủy thác và các quỹ do Công ty quản lý);
- (e) Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- (f) Chấp thuận các hợp đồng vay và các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty (không bao gồm tài sản của nhà đầu tư ủy thác và các quỹ do Công ty quản lý);
- (g) Chấp thuận giao dịch bán tài sản của Công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được của Công Ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty (không bao gồm tài sản của nhà đầu tư ủy thác và các quỹ do Công ty quản lý);
- (h) Quyết định tăng Vốn điều lệ của Công ty; quyết định chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ Vốn điều lệ của Công ty cho (các) tổ chức hoặc (các) cá nhân khác;
- (i) Quyết định thành lập các công ty con của Công ty, và việc góp vốn của Công Ty vào các doanh nghiệp khác;
- (j) Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động của Công ty;
- (k) Quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty;
- (l) Quyết định tái cơ cấu, giải thể và yêu cầu tuyên bố phá sản Công Ty; và
- (m) Quyết định và chấp thuận những vấn đề kinh doanh quan trọng về đầu tư và định đoạt vốn.

Nội dung cụ thể về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng Thành viên sẽ được quy định riêng.

14.5. Chủ tịch Hội đồng thành viên

Chủ tịch Hội đồng Thành viên (Chủ tịch) do Chủ sở hữu chỉ định bằng văn bản. Nhiệm kỳ của Chủ tịch là 3 (ba) năm, có thể được gia hạn theo sự tái bổ nhiệm của Chủ sở hữu. Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ sau:

- (a) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Thành viên;
- (b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu họp Hội đồng Thành viên hoặc để lấy ý kiến của các Đại diện của Hội đồng Thành viên;

- (c) Triệu tập và chủ trì cuộc họp của Hội đồng thành viên hoặc tổ chức việc lấy ý kiến của các Đại diện của Hội đồng Thành viên;
- (d) Giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Thành viên;
- (e) Thay mặt Hội đồng Thành viên ký các quyết định Hội đồng thành viên đã thông qua;
- (f) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

14.6. Vắng mặt Chủ tịch

Chủ tịch vắng mặt sẽ ủy quyền cho một Đại diện của Hội đồng Thành viên thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch. Trường hợp không có Đại diện nào được ủy quyền hoặc Chủ tịch không làm việc được, thì Chủ sở hữu bổ nhiệm một người tạm thời thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch theo quy định của Pháp luật.

14.7. Thủ tục triệu tập cuộc họp Hội đồng Thành viên

Cuộc họp Hội đồng Thành viên thường niên (thường kỳ) được tổ chức mỗi năm một lần và cuộc họp Hội đồng Thành viên bất thường (đặc biệt) được tổ chức khi cần thiết theo quyết định của Chủ tịch hoặc người được Chủ tịch ủy quyền cụ thể để quyết định vấn đề này. Các cuộc họp Hội đồng Thành viên do Chủ tịch triệu tập và làm chủ tọa. Chủ tịch chuẩn bị chương trình của mỗi cuộc họp và gửi tới mỗi Đại diện 5 (năm) ngày trước khi diễn ra cuộc họp trừ khi được Đại diện và/hoặc người đại diện theo ủy quyền đó đồng ý bằng văn bản một cách thức hoặc nội dung khác, hoặc bằng cách có mặt tại cuộc họp đó.

14.8. Ủy quyền quyền dự họp Hội đồng Thành viên

Nếu một Đại diện không thể tham dự một cuộc họp Hội đồng Thành viên nào đó, Đại diện đó có thể chỉ định một người trong số các Đại diện làm người được ủy quyền đại diện cho mình tại cuộc họp đó và biểu quyết thay mặt mình tại cuộc họp đó. Việc chỉ định người được ủy quyền phải được lập thành văn bản có chữ ký của Đại diện thực hiện việc chỉ định và chữ ký của người được chỉ định, đồng thời được gửi hoặc giao cho Chủ tịch vào hoặc trước khi bắt đầu cuộc họp Hội đồng Thành viên đó. Một người được ủy quyền dự họp có một phiếu biểu quyết cho mỗi Đại diện mà người đó thay mặt tại cuộc họp và một phiếu biểu quyết cho chính người đó với tư cách là một Đại diện hợp lệ. Mỗi Đại diện không chỉ định nhiều hơn 1 (một) người được ủy quyền dự họp.

14.9. Điều kiện tiến hành họp Hội đồng Thành viên

Tối thiểu 2/3 (hai phần ba) có mặt, trực tiếp hoặc thông qua người được ủy quyền.

14.10. Biểu quyết

Công việc tại các cuộc họp của Hội đồng Thành viên được tiến hành theo chương trình họp do Chủ tịch cung cấp theo Điều 14.7, và mỗi vấn đề phát sinh sẽ được thảo luận và đưa vào quyết định của Hội đồng Thành viên dưới hình thức nghị quyết. Mỗi Đại diện (hoặc người được ủy quyền của Đại Diện, nếu Đại Diện vắng mặt) có một phiếu biểu quyết.

Các nghị quyết của Hội đồng Thành viên về các vấn đề quy định tại Điều 14.4(a), 14.4(g), 14.4(h), và 14.4(l) chỉ được thông qua nếu có số phiếu thuận của 75% (bảy mươi lăm phần trăm) số Đại diện và/hoặc người đại diện theo ủy quyền tham dự tại cuộc họp Hội đồng Thành viên và biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người được ủy quyền. Tất cả các nghị quyết khác của Hội đồng Thành viên chỉ được chấp thuận nếu có số phiếu thuận của đa số Đại diện và/hoặc người đại diện theo ủy quyền tham dự tại cuộc họp Hội đồng Thành viên đó và biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người được ủy quyền.

14.11. Biên bản họp Hội đồng thành viên

Biên bản của tất cả các cuộc họp Hội đồng Thành viên và về các nội dung được tiến hành tại từng cuộc họp được lưu giữ bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Bản sao Biên bản của tất cả các cuộc họp Hội đồng Thành viên sẽ được gửi đến từng Đại diện và/hoặc người đại diện theo ủy quyền ngay trước các cuộc họp Hội đồng Thành viên kế tiếp và sẽ được xem xét, thông qua với bất kỳ sửa đổi cần thiết tại cuộc họp Hội đồng Thành viên kế tiếp.

Biên bản phải bao gồm các nội dung sau đây:

- (a) Thời gian và địa điểm của cuộc họp; chương trình họp;
- (b) Tên đầy đủ của mỗi Đại diện của Hội đồng Thành viên và/hoặc người đại diện theo ủy quyền;
- (c) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết; tóm lược ý kiến của Đại diện của Hội đồng Thành viên và/hoặc người đại diện theo ủy quyền đối với mỗi vấn đề được thảo luận;
- (d) Tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận, phản đối và phiếu trắng đối với từng vấn đề biểu quyết;
- (e) Các quyết định được thông qua; và
- (f) Chữ ký và họ tên đầy đủ của Đại diện của Hội đồng Thành viên và/hoặc người đại diện theo ủy quyền.

14.12. Họp và dự họp theo hình thức điện tử

Cuộc họp Hội đồng Thành viên có thể được tổ chức qua điện thoại hoặc các phương tiện điện tử khác, cũng như dưới hình thức tham dự trực tiếp, miễn là tất cả Đại diện hoặc người đại diện theo ủy quyền tham gia cuộc họp được tổ chức như vậy đều có thể lắng nghe, trao đổi với nhau cùng một lúc. Việc dự họp theo cách thức đó được xem như sự có mặt tại cuộc họp đó hoặc tại bất kỳ cuộc họp Hội đồng Thành viên thường niên hoặc bất thường nào.

14.13. Địa điểm họp Hội đồng Thành viên

Hội đồng Thành viên có thể họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác. Trường hợp tổ chức họp Hội đồng Thành viên tại nơi khác, Chủ tịch phải gửi thông báo trước cho các Đại diện và/hoặc người đại diện theo ủy quyền.

14.14. Lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định của Hội đồng Thành viên

Việc lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định của Hội đồng Thành viên có thể được thực hiện bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty mà không cần tổ chức một cuộc họp Hội đồng Thành viên, với điều kiện là Chủ tịch phải gửi văn bản thông báo cho tất cả các Đại diện và/hoặc người đại diện theo ủy quyền về nghị quyết dự thảo. Nghị quyết được tất cả các Đại diện và/hoặc người đại diện theo ủy quyền nhất trí thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng Thành viên. Nghị quyết đó và mọi nhất trí bằng văn bản đối với nghị quyết đó sẽ được lưu trong sổ biên bản của Công ty.

14.15. Giá trị pháp lý của các nghị quyết của Hội đồng Thành viên

Các nghị quyết của Hội đồng Thành viên có giá trị pháp lý kể từ ngày được chấp thuận, trừ khi được quy định khác trong nghị quyết của Hội đồng Thành viên.

Điều 15. Tổng Giám đốc Điều hành

Công ty có một (1) Tổng Giám đốc Điều hành. Tổng Giám đốc Điều hành được bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm bởi Hội đồng Thành viên, thực hiện theo hướng dẫn của Hội đồng Thành viên và chịu trách nhiệm trước Pháp luật và Hội đồng Thành viên về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc Điều hành là ba (3) năm, được gia hạn theo quyết định của Hội đồng Thành viên.

Điều 16. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc Điều hành

Tổng Giám đốc Điều hành phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- 16.1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- 16.2. Không phải là Người có liên quan của Đại diện của Hội đồng Thành viên hoặc người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Đại diện của Hội đồng Thành viên.

16.3. Đáp ứng được các điều kiện làm Tổng Giám đốc Điều hành theo quy định của Pháp luật.

Điều 17. Quyền và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc Điều hành

17.1. Tổng Giám đốc Điều hành chịu trách nhiệm thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Thành viên, quản lý công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty và thực hiện tất cả quyền và nghĩa vụ của mình liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty trong phạm vi các hướng dẫn do Hội đồng Thành viên đưa ra, kể cả các hướng dẫn sau đây:

- (a) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Thành viên;
- (b) Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- (c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- (d) Ban hành quy chế quản lý nội bộ Công ty;
- (e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng Thành viên;
- (f) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty;
- (g) Nộp báo cáo tài chính hằng năm lên Hội đồng Thành viên;
- (h) Kiến nghị liên quan đến kế hoạch sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- (i) Tuyển dụng, kỷ luật và sa thải nhân viên và người lao động của Công ty và xác định nhiệm vụ, trách nhiệm của họ;
- (j) Quyết định và xử lý tất cả các vấn đề khác ảnh hưởng đến hoạt động và lợi nhuận của Công ty mà Điều lệ này không quy định rõ ràng thuộc về thẩm quyền quyết định của Hội đồng Thành viên;
- (k) Các nhiệm vụ khác theo quyết định của Hội đồng Thành viên tùy từng thời điểm; và
- (l) Có quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật tùy từng thời điểm.

17.2. Hội đồng Thành viên có thể giao cho Tổng Giám đốc Điều hành các quyền và trách nhiệm khác để đạt được lợi ích tối đa cho Công ty. Các quyền và trách nhiệm này của Tổng Giám đốc Điều hành có thể bị thu hồi hoặc thay đổi bởi Hội đồng Thành viên.

Điều 18. Các chức danh quản lý khác

18.1. Phó Tổng Giám đốc Điều hành

- (a) Công ty có thể có một (1) hoặc nhiều hơn một (1) Phó Tổng Giám đốc Điều hành, nếu được Pháp luật yêu cầu hoặc theo quyết định của Hội đồng Thành viên. Phó Tổng Giám đốc Điều hành được bổ nhiệm và bãi nhiệm bởi Hội đồng Thành viên và chịu trách nhiệm hỗ trợ Tổng Giám đốc Điều hành. Người được chỉ định là Phó Tổng Giám đốc Điều hành phải có trình độ và kinh nghiệm phù hợp theo quy định của Pháp luật. Nhiệm kỳ của Phó Tổng Giám đốc Điều hành là ba (3) năm, gia hạn theo quyết định của Hội đồng Thành viên;
- (b) Tổng Giám đốc Điều hành xác định nhiệm vụ của các Phó Tổng Giám đốc Điều hành theo sự chấp thuận của Hội đồng Thành viên.

18.2. Giám đốc Tài chính và/hoặc Kế toán trưởng

- (a) Công ty có một (1) Giám đốc Tài chính và/hoặc Kế toán trưởng đáp ứng điều kiện của Pháp luật. Giám đốc Tài chính và/hoặc Kế toán trưởng được bổ nhiệm và miễn nhiệm bởi Hội đồng Thành viên. Nhiệm kỳ của Giám đốc Tài chính và/hoặc Kế toán trưởng là ba (3) năm, gia hạn theo quyết định của Hội đồng Thành viên;
- (b) Giám đốc Tài chính và/hoặc Kế toán trưởng hỗ trợ Tổng Giám đốc Điều hành trong việc quản lý tài chính và kế toán, xem xét và thông qua kế hoạch tài chính, kế hoạch tín dụng và báo cáo kế toán của Công ty;
- (c) Giám đốc Tài chính và/hoặc Kế toán trưởng chuẩn bị báo cáo kế toán và báo cáo tài chính của Công ty. Giám đốc Tài chính và/hoặc Kế toán trưởng phải đảm bảo các độ tin cậy và tính chính xác của báo cáo, danh mục hóa đơn thuế giá trị gia tăng, chứng từ thanh toán và các vấn đề tài chính khác theo quy định của Điều lệ này và đảm bảo cho các hoạt động tài chính của Công ty được phản ánh đúng trong báo cáo.

Điều 19. Thù lao, tiền lương và thưởng của Ban điều hành, Kiểm soát viên

- 19.1. Chính sách đãi ngộ của Ban điều hành và thù lao bao gồm cả tiền lương và tiền thưởng trả cho Ban điều hành được quyết định bởi Hội đồng thành viên.
- 19.2. Thù lao, tiền lương và thưởng của Ban điều hành được tính vào chi phí kinh doanh theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và các quy định của Pháp luật có liên quan. Các khoản thù lao, tiền lương này phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.
- 19.3. Kiểm soát viên do Chủ sở hữu chỉ định. Do đó, Công ty không chi trả các khoản tiền lương, tiền thưởng cho Kiểm soát viên.

Điều 20. Kiểm soát nội bộ và các hoạt động

- 20.1 Công ty phải thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp với cơ cấu tổ chức của Công ty, thành lập Bộ phận Kiểm soát Nội bộ và ban hành các quy định về kiểm soát nội bộ bao gồm chính sách, quy chế, quy trình nghiệp vụ và các quy định nội bộ khác.
- 20.2 Bộ phận Kiểm soát Nội bộ có trách nhiệm:
- (a) Giám sát bảo đảm hoạt động của từng vị trí, bộ phận và cả Công ty tuân thủ các quy định Pháp luật, các chính sách, quy trình nghiệp vụ, quy định nội bộ của Công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của nhân viên công ty đối với các hoạt động đã được phân cấp, ủy quyền theo nguyên tắc:
 - (i) Cơ chế phân cấp, ủy quyền phải rõ ràng, cụ thể, minh bạch, đảm bảo tách bạch nhiệm vụ, quyền hạn của các cá nhân, các bộ phận trong công ty. Quy trình nghiệp vụ phải bảo đảm tách biệt giữa các chức năng, nhiệm vụ của từng vị trí, bộ phận từ hoạt động phân tích, thẩm định, chấp thuận hoặc phê duyệt hoặc quyết định thực hiện, tổ chức thực hiện, báo cáo và giám sát sau khi thực hiện;
 - (ii) Một cá nhân không được đảm nhiệm nhiều vị trí, thực hiện các nhiệm vụ có mục đích, lợi ích mâu thuẫn hoặc chồng chéo. Nhân sự được bố trí, bảo đảm một người không thể độc lập, tự mình ra quyết định và thực hiện từ hai hoạt động trở lên trong toàn bộ quy trình nghiệp vụ, từ phân tích đầu tư, thẩm định, phê duyệt đầu tư, quyết định đầu tư, thực hiện giao dịch và đầu tư, báo cáo kết quả giao dịch, thực hiện việc quản lý và giám sát đầu tư sau giao dịch mà không cần tham vấn các bộ phận, cá nhân khác.
 - (b) Tham gia xây dựng, giám sát việc tổ chức thực hiện các chính sách, quy chế, quy trình, quy định nội bộ của Công ty nhằm ngăn ngừa xung đột lợi ích; giám sát việc thực hiện quy tắc đạo đức nghề nghiệp; tổng hợp, lưu trữ, thống kê và giám sát hoạt động kinh doanh của Công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên Công ty;
 - (c) Tham gia xây dựng quy trình, tổ chức thực hiện công tác quản trị rủi ro cho hoạt động của công ty và cho từng loại sản phẩm, từng khách hàng ủy thác; kịp thời nhận diện, đánh giá mức độ rủi ro, thiết lập hạn mức đầu tư nhằm hạn chế mức độ thiệt hại và có biện pháp ngăn ngừa, quản lý các rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động nghiệp vụ của Công ty và của khách hàng ủy thác;
 - (d) Giám sát bảo đảm giá trị tài sản ròng của danh mục, chứng chỉ quỹ được định giá phù hợp với quy định của Pháp luật và quy định nội bộ; tài sản và các nguồn lực của công ty được quản lý an toàn, hiệu quả; tài sản khách hàng được quản lý tách biệt, độc lập; báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động, báo cáo về các chỉ tiêu an toàn tài chính và các báo cáo khác của Công ty được lập trung thực, chính xác, kịp thời, cập nhật đầy đủ theo quy định của Pháp luật;

- (c) Giám sát, bảo đảm hệ thống thông tin tài chính và quản lý trung thực, đầy đủ, kịp thời và chính xác; có hệ thống thông tin dự phòng để kịp thời xử lý những tình huống như thiên tai, cháy, nổ.... bảo đảm hoạt động liên tục của Công ty;
 - (f) Đề xuất các phương án giải quyết, xử lý tranh chấp, xung đột lợi ích, khiếu kiện từ khách hàng, đối tác; các phương án dự phòng khắc phục hậu quả khi sự cố xảy ra;
 - (g) Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ trong trường hợp Công ty không buộc phải thành lập Bộ phận Kiểm toán Nội bộ theo quy định của Pháp luật.
- 20.3 Nhân viên của Bộ phận Kiểm soát Nội bộ phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của Pháp Luật.
- 20.4 Công ty báo cáo các vấn đề liên quan đến quản trị rủi ro cho Chủ sở hữu.
- 20.5 Công ty thành lập một Ủy ban kết hợp với Chủ sở hữu để trao đổi và xây dựng kế hoạch quản lý đầu tư.

Điều 21. Kiểm toán nội bộ và Kiểm soát của Chủ sở hữu

- 21.1 Chức năng kiểm toán nội bộ thuộc Bộ phận Kiểm soát Nội bộ. Công ty phải có một Bộ phận Kiểm toán Nội bộ riêng biệt được sự chấp thuận của Hội đồng Thành viên khi Công ty trở thành Công ty đại chúng hoặc quản lý các quỹ đại chúng hoặc Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.

Khí đó, Kiểm toán Nội bộ phải đáp ứng các quy định sau:

- (a) Nhân sự của Bộ phận Kiểm toán Nội bộ phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của Pháp luật.
- (b) Trách nhiệm của Bộ phận Kiểm toán Nội bộ:
 - (i) Kiểm tra, đánh giá cơ cấu tổ chức, hoạt động quản trị Công ty, hoạt động điều hành, phối hợp của từng bộ phận, từng vị trí công tác nhằm ngăn ngừa các xung đột lợi ích, bảo vệ quyền lợi của khách hàng;
 - (ii) Kiểm tra, đánh giá mức độ đầy đủ, hiệu lực, hiệu quả, mức độ tuân thủ các quy định của Pháp luật, quy định tại Điều lệ; hệ thống kiểm soát nội bộ; các chính sách, quy trình nội bộ, bao gồm quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, quy trình nghiệp vụ, quy trình và hệ thống quản trị rủi ro, hệ thống công nghệ thông tin, kế toán, quy trình và hệ thống báo cáo, công bố thông tin, quy trình tiếp nhận và xử lý tố cáo, khiếu kiện từ khách hàng, và các quy định nội bộ khác;
 - (iii) Kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp, tính trung thực, mức độ cân trọng, tuân thủ các quy trình nghiệp vụ và quản trị rủi ro;

- (iv) Thực hiện việc kiểm toán toàn bộ hoạt động của tất cả các bộ phận trong Công ty ít nhất một năm một lần;
 - (v) Kiến nghị các giải pháp hoàn thiện nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Công ty; theo dõi kết quả thực hiện các kiến nghị sau kiểm toán đã được Hội đồng Thành viên phê duyệt.
- (c) Hoạt động kiểm toán nội bộ phải bảo đảm các nguyên tắc sau:
- (i) Độc lập: Bộ phận Kiểm toán Nội bộ và hoạt động của bộ phận này độc lập với các bộ phận và hoạt động khác của Công ty, không chịu sự quản lý của Ban điều hành Công ty;
 - (ii) Khách quan: kiểm toán nội bộ phải khách quan, công bằng, không định kiến, không chịu bất cứ sự can thiệp nào khi thực hiện nhiệm vụ của mình;
 - (iii) Trung thực: công tác kiểm toán nội bộ phải được thực hiện một cách trung thực, cẩn trọng và có trách nhiệm;
 - (iv) Phối hợp: Bộ phận Kiểm toán Nội bộ được toàn quyền tiếp cận không hạn chế các thông tin, tài liệu của Công ty. Ban điều hành và mọi nhân viên của Công ty có trách nhiệm phối hợp, cung cấp đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác mọi thông tin, tài liệu liên quan, theo yêu cầu của kiểm toán nội bộ. Các bộ phận trong Công ty có trách nhiệm thông báo cho Bộ phận Kiểm toán Nội bộ khi phát hiện những yếu kém, tồn tại, các sai phạm, rủi ro hoặc thất thoát lớn về tài sản của Công ty hoặc của khách hàng;
 - (v) Bảo mật: Bộ phận Kiểm toán Nội bộ, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ không được tiết lộ các thông tin có được trong quá trình kiểm toán, trừ trường hợp phải cung cấp cho UBCKNN và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác.

21.2 Chủ sở hữu có quyền kiểm tra hoặc kiểm toán Công ty và có quyền xem xét bất kỳ tài liệu hoặc giấy tờ của Công ty tại trụ sở chính hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty. Tổng Giám đốc Điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời về việc thực hiện quyền sở hữu và quản lý, điều hành và kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Chủ sở hữu.

Điều 22. Kiểm soát viên

22.1 Chủ sở hữu bổ nhiệm một (1) Kiểm soát viên với nhiệm kỳ không quá ba (3) năm. Kiểm soát viên chịu trách nhiệm trước Pháp luật và Chủ sở hữu về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.

22.2 Kiểm soát viên có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- (a) Kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cần trọng của Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc Điều hành trong tổ chức thực hiện quyền của Chủ sở hữu và trong quản lý điều hành công việc kinh doanh của Công ty;
 - (b) Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và các báo cáo khác trước khi trình Chủ sở hữu hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan; và trình Chủ sở hữu báo cáo thẩm định;
 - (c) Kiến nghị Hội đồng Thành viên các giải pháp sửa đổi hoặc bổ sung cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của Công ty;
 - (d) Xem xét bất kỳ hồ sơ nào của Công ty tại trụ sở chính, chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty. Đại diện Hội đồng Thành viên, Tổng Giám đốc Điều hành và người quản lý khác có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ và kịp thời các thông tin về thực hiện quyền Chủ sở hữu và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên;
 - (e) Tham dự và thảo luận tại các cuộc họp Hội đồng thành viên và các cuộc họp khác trong Công ty; và
 - (f) Quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Điều lệ Công ty hoặc theo yêu cầu, quyết định của Chủ sở hữu Công ty.
- 22.3 Kiểm soát viên có quyền xem xét bất kỳ hồ sơ, tài liệu nào của Công ty tại trụ sở chính hoặc chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty. Đại diện Hội đồng Thành viên, Tổng Giám đốc Điều hành và người điều hành khác có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về thực hiện quyền chủ sở hữu, về quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên.
- 22.4 Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- (a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - (b) Không phải là Người có liên quan của Đại diện của Hội đồng Thành viên, Tổng Giám đốc Điều hành, hoặc người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Kiểm soát viên; và
 - (c) Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán hoặc trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong lĩnh vực kinh doanh của Công ty, hoặc tiêu chuẩn hay điều kiện khác do Công ty quy định.

Điều 23. Nghĩa vụ của Đại diện của Hội đồng Thành viên, Tổng Giám đốc Điều hành và Kiểm soát viên

- 23.1 Đại diện của Hội đồng Thành viên, Tổng Giám đốc Điều hành và Kiểm soát viên có các nghĩa vụ sau đây:

- (a) Tuân thủ Pháp luật, Điều lệ và quyết định của Chủ sở hữu hoặc Hội đồng Thành viên trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;
- (b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Chủ sở hữu;
- (c) Trung thành với lợi ích của Công ty và Chủ sở hữu; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- (d) Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà họ và Người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính của Công ty; và
- (e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ.

23.2 Tổng Giám đốc Điều hành không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không có khả năng thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.

Điều 24. Hợp đồng và Giao dịch của Công ty với Người có liên quan

24.1 Đại diện Hội đồng Thành viên, Tổng Giám đốc Điều hành và Kiểm soát viên, mỗi người có một phiếu biểu quyết, xem xét và quyết định theo nguyên tắc đa số, các hợp đồng và giao dịch giữa Công ty và:

- (a) Chủ sở hữu và Người có liên quan của Chủ sở hữu;
- (b) Đại diện của Hội đồng Thành viên, Tổng Giám đốc Điều hành và Kiểm soát viên;
- (c) Người có liên quan của những người quy định tại điểm (b) khoản này;
- (d) Người quản lý Chủ sở hữu, và người có thẩm quyền bổ nhiệm những Người quản lý đó;
- (e) Người có liên quan của những người quy định tại điểm (d) khoản này.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải gửi bản thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung của các giao dịch cho Hội đồng Thành viên và Kiểm soát viên; đồng thời niêm yết tại trụ sở chính của Công ty.

24.2 Hợp đồng và giao dịch quy định tại Điều này chỉ được chấp thuận khi có đủ các điều kiện sau đây:

- (a) Các bên ký kết hợp đồng hoặc thực hiện giao dịch là những chủ thể pháp lý độc lập, có quyền, nghĩa vụ, tài sản và lợi ích riêng biệt;
- (b) Giá sử dụng trong hợp đồng hoặc giao dịch là giá thị trường tại thời điểm hợp đồng được ký kết hoặc giao dịch được thực hiện; và

(c) Chủ sở hữu tuân thủ đúng Pháp luật về hợp đồng và Pháp luật khác có liên quan điều chỉnh việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa Công ty và Chủ sở hữu.

24.3 Hợp đồng hoặc giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của Pháp luật, nếu việc thi hành và thực hiện chúng không phù hợp với Điều này. Người đại diện theo pháp luật của Công ty và các bên của hợp đồng, giao dịch phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

CHƯƠNG IV. TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ VÀ HẠN CHẾ TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 25. Các quy định về trách nhiệm và nghĩa vụ của Công ty

25.1 Công ty phải tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ. Thực hiện việc quản lý tài sản ủy thác theo quy định tại điều lệ quỹ, Điều lệ Công ty Đầu tư Chứng khoán và hợp đồng quản lý đầu tư. Tuân thủ các quy tắc về Đạo đức Nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của khách hàng ủy thác. Công ty có trách nhiệm đảm bảo tất cả các nhân viên của Công ty phải tuân thủ các quy tắc về Đạo đức nghề nghiệp. Việc tuân thủ các quy tắc Đạo đức Nghề nghiệp này phải là quy định bắt buộc trong tất cả hợp đồng lao động Công ty ký kết với nhân viên.

25.2 Công ty là đại diện theo ủy quyền của khách hàng ủy thác, thay mặt cho khách hàng ủy thác để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của khách hàng ủy thác một cách trung thực và cẩn trọng.

25.3 Khi quản lý tài sản ủy thác, Công ty phải:

- (a) Ký hợp đồng lưu ký hoặc giám sát với ngân hàng lưu ký đối với quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ, danh mục đầu tư ủy thác; ký hợp đồng giám sát với Ngân hàng Giám sát đối với quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; lưu ký toàn bộ tài sản phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam và lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin dữ liệu về sở hữu, bản gốc các tài liệu pháp lý xác minh quyền sở hữu tài sản tại ngân hàng lưu ký, Ngân hàng Giám sát;

Trường hợp đầu tư tiền gửi cho khách hàng ủy thác, Công ty chỉ được gửi tại các ngân hàng trong danh sách được khách hàng ủy thác phê duyệt. Công ty phải lưu trữ bản gốc hoặc bản sao hợp lệ hợp đồng tiền gửi, hợp đồng vay tại ngân hàng lưu ký, Ngân hàng Giám sát để các tổ chức này định kỳ đối soát với ngân hàng nhận tiền gửi;

Trường hợp đầu tư, góp vốn; giao dịch các tài sản, phần vốn góp, cổ phiếu chưa niêm yết cho khách hàng ủy thác; Công ty phải lưu trữ bản gốc các hợp đồng, giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nếu có), sổ cổ đông hoặc tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản tại ngân hàng lưu ký, Ngân hàng Giám sát để các tổ chức này định kỳ đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư;

- (b) Xây dựng hệ thống thông tin quản lý các tài khoản của khách hàng ủy thác tại Công ty bảo đảm nguyên tắc quản lý độc lập và tách biệt tài sản tới từng khách hàng ủy thác, tách biệt tài sản ủy thác và tài sản của chính Công ty; lưu trữ đầy đủ, kịp thời sổ sách kế toán, chứng từ giao dịch và các tài liệu liên quan tới giao dịch và sở hữu tài sản của khách hàng ủy thác; tổng hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về tài sản của từng khách hàng ủy thác và nơi lưu ký, lưu trữ các tài sản đó;
 - (c) Thiết lập cơ chế kiểm tra, thường xuyên đối soát ba bên bảo đảm có sự thống nhất về dữ liệu tài sản ủy thác trên hệ thống tài khoản khách hàng ủy thác quản lý tại Công ty, hệ thống lưu ký tài sản của khách hàng ủy thác tại ngân hàng lưu ký, Ngân hàng Giám sát với các tổ chức phát hành, Trung tâm Lưu ký chứng khoán, tổ chức quản lý sổ đăng ký cổ đông, chủ dự án, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, ngân hàng nhận tiền gửi. Công ty có trách nhiệm thiết lập cơ chế để ngân hàng lưu ký, Ngân hàng Giám sát chủ động, trực tiếp đối soát với các tổ chức nêu trên nhằm kiểm tra, giám sát, tổng hợp đầy đủ và chính xác thông tin về việc lưu ký, đăng ký sở hữu và quản lý tài sản ủy thác;
 - (d) Thực hiện việc đầu tư tài sản ủy thác theo các quy định của Pháp luật, quy định tại điều lệ quỹ, Điều lệ Công ty Đầu tư Chứng khoán và hợp đồng quản lý đầu tư; và
 - (e) Phân công tối thiểu hai (02) người điều hành Quỹ để quản lý mỗi Quỹ, mỗi Công ty Đầu tư Chứng khoán. Những người điều hành Quỹ nêu trên phải có kinh nghiệm thực tế trong hoạt động quản lý tài sản ít nhất hai (02) năm và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Thông tin về trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm quản lý tài sản của người điều hành Quỹ phải được công khai tại bản cáo bạch.
- 25.4 Công ty phải thiết lập quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản giao dịch một cách hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho khách hàng ủy thác và cho bản thân Công ty. Quy trình này phải được cung cấp cho khách hàng ủy thác, ngân hàng lưu ký, Ngân hàng Giám sát và được áp dụng thống nhất. Trường hợp Công ty mua hoặc bán cùng một loại tài sản tại cùng một thời điểm cho nhiều khách hàng ủy thác và cho bản thân Công ty, việc phân bổ tài sản giao dịch được thực hiện theo trật tự ưu tiên sau:

- (a) Ưu tiên phân bổ tài sản giao dịch cho khách hàng ủy thác. Việc phân bổ tài sản giữa các khách hàng ủy thác phải công bằng, theo đúng quy trình phân bổ tài sản áp dụng thống nhất của Công ty. Quy trình phân bổ tài sản phải nêu rõ nguyên tắc thực hiện, phương pháp xác định giá, khối lượng tài sản phân bổ cho từng đối tượng khách hàng, bảo đảm phù hợp với mục tiêu đầu tư, mức chấp nhận rủi ro hoặc các tiêu chí khác theo quy định nội bộ của Công ty và đã thông báo cho khách hàng ủy thác. Trường hợp tài sản được mua hoặc bán tại các mức giá khác nhau, Công ty phải sử dụng mức giá bình quân gia quyền để phân bổ tài sản;
- (b) Việc phân bổ tài sản cho bản thân Công ty chỉ được thực hiện sau khi đáp ứng đầy đủ các lệnh giao dịch tài sản cho khách hàng ủy thác. Trong trường hợp Công ty biết được thông tin nội bộ, hoặc biết lệnh giao dịch tài sản ủy thác có thể ảnh hưởng lớn đến giá của một loại tài sản, Công ty không được giao dịch cùng loại tài sản đó hoặc tiết lộ cho bên thứ ba giao dịch tài sản đó; và
- (c) Việc phân bổ tài sản phải được thông báo cho ngân hàng lưu ký, Ngân hàng Giám sát để thực hiện ngay trong ngày giao dịch.

25.5 Trong hoạt động quản trị Quỹ, Công ty có trách nhiệm bảo đảm:

- (a) Thực hiện việc xác định giá trị tài sản ròng của danh mục đầu tư của khách hàng ủy thác; giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ, cổ phiếu Công ty Đầu tư Chứng khoán theo quy định của Pháp luật, điều lệ quỹ, Điều lệ Công ty Đầu tư Chứng khoán, hợp đồng quản lý đầu tư;
- (b) Lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời, đầy đủ và chính xác sổ đăng ký nhà đầu tư, sổ đăng ký cổ đông. Nội dung sổ đăng ký nhà đầu tư, sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định có liên quan của Pháp Luật về thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, quy định về thành lập, tổ chức và hoạt động Công ty Đầu tư Chứng khoán.

25.6 Công ty có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin cần thiết về khách hàng ủy thác, thông tin về giao dịch tài sản ủy thác, thông tin về nơi lưu ký tài sản ủy thác, các thông tin liên quan khác (nếu có) và tạo mọi điều kiện thuận lợi cần thiết cho Ngân hàng Giám sát, ngân hàng lưu ký theo yêu cầu bằng văn bản của các tổ chức này để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm đối với khách hàng ủy thác theo quy định của Pháp luật. Tối thiểu một (01) tháng một lần, Công ty có nghĩa vụ đối chiếu danh mục tài sản của từng khách hàng ủy thác với Ngân hàng Giám sát, ngân hàng lưu ký.

- 25.7 Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Ngân hàng Giám sát phát hiện và thông báo cho Công ty về các giao dịch tài sản ủy thác trái với quy định hoặc vượt quá thẩm quyền của Công ty theo quy định của Pháp luật, quy định tại điều lệ quỹ, Điều lệ Công ty Đầu tư Chứng khoán, hợp đồng quản lý đầu tư thì Công ty phải huỷ bỏ giao dịch, hoặc thực hiện các giao dịch nhằm khôi phục vị thế cho khách hàng ủy thác. Công ty phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Trường hợp các giao dịch này phát sinh lợi nhuận, mọi khoản lợi nhuận phải hạch toán cho khách hàng ủy thác.
- 25.8 Công ty phải xây dựng và triển khai áp dụng thống nhất các quy trình nghiệp vụ, sổ tay định giá, chính sách kế toán phù hợp các quy định của Pháp luật liên quan và khách hàng ủy thác. Công ty phải xây dựng quy trình kiểm soát nội bộ, quy tắc đạo đức nghề nghiệp chi tiết tới từng vị trí công tác. Quy định về việc tuân thủ bộ đạo đức nghề nghiệp của công ty là điều khoản bắt buộc của hợp đồng lao động giữa Công ty và người lao động trong Công ty.
- 25.9 Công ty phải xây dựng quy trình và thiết lập cơ cấu tổ chức, hệ thống quản trị rủi ro phù hợp với quy mô hoạt động của Công ty, loại hình Quỹ, Công ty Đầu tư Chứng khoán và đối tượng khách hàng mà mình đang quản lý. Hệ thống quản trị rủi ro phải dựa trên các chính sách, quy trình quản trị rủi ro xây dựng theo thông lệ quốc tế phù hợp với điều kiện thị trường Việt Nam, bảo đảm nhận diện đầy đủ, xác định được quy mô rủi ro tiềm ẩn trong các hoạt động của Công ty, rủi ro tiềm ẩn trong các quy trình nghiệp vụ, hệ thống của Công ty, rủi ro tiềm ẩn trong danh mục đầu tư của từng khách hàng ủy thác. Tùy vào loại hình rủi ro, mức độ phức tạp của tài sản đầu tư và yêu cầu của khách hàng ủy thác, Công ty phải đưa ra mức độ chấp nhận rủi ro phù hợp. Quy trình chi tiết và hệ thống quản trị rủi ro được thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN.
- 25.10 Công ty chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho khách hàng ủy thác do lỗi của nhân viên, sự cố hoặc lỗi của hệ thống kỹ thuật và quy trình nghiệp vụ của Công ty hoặc do Công ty không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của Pháp luật, quy định tại điều lệ quỹ, điều lệ Công ty Đầu tư Chứng khoán và hợp đồng quản lý đầu tư. Việc bồi thường cho Quỹ mở, nhà đầu tư vào Quỹ mở thực hiện theo quy định của Pháp luật về thành lập và quản lý Quỹ mở và thỏa thuận giữa các bên liên quan. Việc bồi thường cho Quỹ đóng, Quỹ thành viên, Công ty Đầu tư Chứng khoán, khách hàng ủy thác khác thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên liên quan.
- 25.11 Công ty phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nhân viên nghiệp vụ (nếu xét là cần thiết), hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro theo quy định của Pháp luật để bồi thường thiệt hại cho khách hàng ủy thác trong các trường hợp quy định tại Khoản 10 Điều này.

- 25.12 Công ty có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu các đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan xây dựng, thiết lập hệ thống và tổ chức thực hiện quy trình tổng hợp thông tin, nhận diện khách hàng theo các quy định của Pháp luật về phòng chống rửa tiền và các quy định của Pháp luật về môi giới, giao dịch chứng khoán.
- 25.13 Công ty bảo đảm việc đầu tư tài sản của khách hàng ủy thác là cá nhân, tổ chức nước ngoài tuân thủ đúng các quy định Pháp luật về quản lý ngoại hối, tỷ lệ sở hữu tại các doanh nghiệp Việt Nam tại thời điểm đầu tư.
- 25.14 Việc sử dụng tài sản ủy thác huy động tại Việt Nam để đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi các tổ chức nước ngoài, tổ chức phát hành chịu sự điều chỉnh của Pháp luật nước ngoài, chứng khoán phát hành tại nước ngoài và các tài sản khác ở nước ngoài phải tuân thủ quy định của Pháp luật về đầu tư ra nước ngoài, quản lý ngoại hối và các quy định của Pháp luật liên quan. Việc đầu tư này chỉ được thực hiện nếu điều lệ quỹ, điều lệ Công ty Đầu tư Chứng khoán, hợp đồng quản lý đầu tư có điều khoản cho phép thực hiện. Trước khi thực hiện, công ty phải được đại hội nhà đầu tư, đại hội đồng thành viên, đại hội đồng cổ đông Công ty Đầu tư Chứng khoán, khách hàng ủy thác hoặc đại diện khách hàng ủy thác và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.
- 25.15 Khi thực hiện giao dịch tài sản cho khách hàng ủy thác, Công ty bảo đảm:
- (a) Đối với các tổ chức là Quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng:
Khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm thông qua một công ty chứng khoán không được vượt quá 50% (năm mươi phần trăm) tổng khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm của tổ chức đó; và
Khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm thông qua công ty chứng khoán là Người có liên quan của Công ty, không được vượt quá 20% (hai mươi phần trăm) tổng khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm của tổ chức đó.
- (b) Đối với các khách hàng ủy thác khác, Công ty phải tuân thủ quy định tại điểm a khoản này, trừ trường hợp Công ty đã cung cấp đầy đủ thông tin về lợi ích của Công ty với công ty chứng khoán liên quan và khách hàng ủy thác có văn bản chấp thuận cho phép không cần áp dụng quy định nêu trên.
- 25.16 Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin của khách hàng, thông tin về giao dịch tài sản, danh mục đầu tư của khách hàng và các thông tin khác liên quan, trừ trường hợp cung cấp thông tin cho UBCKNN và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu.
- 25.17 Công ty phải bảo đảm:

- (a) Tách biệt về trụ sở, hạ tầng công nghệ thông tin với các tổ chức kinh tế khác. Trường hợp Công ty sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là Người có liên quan thì phải sử dụng cơ chế phân quyền và hạn chế sử dụng, bảo đảm các bộ phận công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là Người có liên quan không truy cập được vào hệ thống máy tính, cơ sở dữ liệu của công ty; và
- (b) Tách biệt về cơ sở dữ liệu giữa các bộ phận nghiệp vụ tiềm ẩn xung đột lợi ích trong công ty, trong đó có sự tách biệt giữa bộ phận quản lý tài sản ủy thác; bộ phận nghiên cứu, phân tích đầu tư và bộ phận thực hiện đầu tư. Hệ thống máy tính và cơ sở dữ liệu được phân quyền tới từng cá nhân, bộ phận, phù hợp với vị trí công tác theo quy định về kiểm soát nội bộ.

25.18 Trong hoạt động kinh doanh, Công ty bảo đảm:

- (a) Vốn kinh doanh dành cho hoạt động đầu tư tài chính phải là từ nguồn vốn chủ sở hữu, không phải là vốn vay dưới mọi hình thức;
- (b) Không được cho vay, hoặc giao vốn của Công ty cho Người có liên quan và các tổ chức, cá nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp gửi tiền tại tổ chức tín dụng theo quy định của Pháp luật ngân hàng, đầu tư vào trái phiếu được phát hành theo quy định của Pháp luật;
- (c) Hợp đồng kinh tế, giao dịch (nếu có) giữa Công ty với Hội đồng Thành viên, thành viên ban điều hành, thành viên Ban kiểm soát, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ; Người có liên quan của những đối tượng nêu trên; chỉ được thực hiện sau khi được Chủ sở hữu đồng ý bằng văn bản;
- (d) Sử dụng các nguồn vốn huy động hợp pháp, kể cả vốn vay, để đầu tư vào bất động sản với mục đích sử dụng làm trụ sở làm việc. Trường hợp không sử dụng hết trụ sở, công ty có thể cho thuê lại;
- (e) Trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi ngày), kể từ ngày hoàn tất việc đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh, liên kết, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo cho UBCKNN về các hạng mục đầu tư này;
- (f) Không được góp vốn thành lập, mua cổ phần hoặc phần vốn góp tại công ty quản lý quỹ khác, công ty chứng khoán tại Việt Nam, ngoại trừ các trường hợp sau:
 - Hoạt động hợp nhất, sáp nhập; hoặc
 - Mua để sở hữu hoặc cùng với Người có liên quan sở hữu không quá 5% (năm phần trăm) số cổ phiếu đang lưu hành của công ty quản lý quỹ, công ty chứng khoán đã đăng ký giao dịch, niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán.

25.19 Khi quản lý vốn đầu tư của Công ty Đầu tư Chứng khoán, Công ty phải bảo đảm:

- (a) Chịu sự giám sát của đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị Công ty Đầu tư Chứng khoán, Ngân hàng Giám sát và chịu trách nhiệm trước đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị của Công ty Đầu tư Chứng khoán về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao, các quy định tại Điều lệ Công ty Đầu tư Chứng khoán, hợp đồng quản lý đầu tư;
- (b) Thiết lập hệ thống, xây dựng quy trình và thực hiện việc quản trị rủi ro phù hợp với chính sách đầu tư và loại tài sản đầu tư và báo cáo đại hội đồng cổ đông và hội đồng quản trị về công tác quản trị rủi ro;
- (c) Chỉ đưa ra các quyết định đầu tư, thoái vốn đầu tư hàng ngày của Công ty Đầu tư Chứng khoán mà không cần phải có quyết định của hội đồng quản trị của Công ty Đầu tư Chứng khoán, đại hội đồng cổ đông của Công ty Đầu tư Chứng khoán theo quy định tại Điều lệ Công ty Đầu tư Chứng khoán và hợp đồng quản lý đầu tư;
- (d) Thực hiện các chính sách đầu tư, quyết định của đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị của Công ty Đầu tư Chứng khoán theo quy định tại điều lệ Công ty Đầu tư Chứng khoán; thực hiện các giao dịch tài sản trong phạm vi hạn mức đầu tư, loại hình tài sản được phép đầu tư, khối lượng giao dịch và đối tượng giao dịch (nếu có) đã được quy định tại điều lệ Công ty Đầu tư Chứng khoán, hợp đồng quản lý đầu tư;
- (e) Kiến nghị phương án chi trả cổ tức, phương án điều chỉnh tăng, giảm Vốn điều lệ; phương án tái cấu trúc Công ty Đầu tư Chứng khoán;
- (f) Ký các hợp đồng nhân danh Công ty Đầu tư Chứng khoán theo thẩm quyền quy định tại điều lệ Công ty Đầu tư Chứng khoán và hợp đồng quản lý đầu tư; và
- (g) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật, điều lệ Công ty Đầu tư Chứng khoán, hợp đồng quản lý đầu tư và quyết định của đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị Công ty Đầu tư Chứng khoán.

25.20 Trong hoạt động báo cáo sơ hữu, công bố thông tin về giao dịch trên thị trường chứng khoán, Công ty có trách nhiệm:

- (a) Tuân thủ các quy định của Pháp luật về báo cáo sơ hữu và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán áp dụng đối với Người có liên quan, người biết thông tin nội bộ;
- (b) Nghĩa vụ báo cáo sơ hữu, công bố thông tin phát sinh kể từ thời điểm:

- (i) Số cổ phiếu do Công ty (nếu có) và các khách hàng ủy thác (nếu có) sở hữu, đạt từ 5% (năm phần trăm) trở lên tổng số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức phát hành; hoặc
 - (ii) Công ty (nếu có) là người biết thông tin nội bộ theo quy định của Pháp luật;
- (c) Nội dung báo cáo sở hữu, công bố thông tin, phương thức công bố thông tin thực hiện theo quy định của Pháp luật;
- (d) Thực hiện các nghĩa vụ khác về báo cáo sở hữu và công bố thông tin theo quy định của Pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Trường hợp khách hàng ủy thác danh mục đầu tư đứng tên sở hữu tài sản ủy thác, khách hàng có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin theo quy định của Pháp luật.
- 25.21 Công ty có trách nhiệm hàng năm tổ chức đào tạo, tập huấn cho nhân viên hoặc yêu cầu các nhân viên hành nghề tham gia các khóa tập huấn do UBCKNN tổ chức (nếu có), bảo đảm đội ngũ nhân viên được cập nhật kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức về Pháp luật. Thông tin về các hoạt động này của Công ty phải được gửi kèm trong báo cáo tình hình hoạt động hàng năm gửi UBCKNN.

Điều 26. Hạn chế đối với hoạt động của Công ty và nhân viên làm việc tại Công ty

- 26.1 Công ty không được huy động và quản lý Quỹ thành viên có từ ba mươi một (31) thành viên góp vốn trở lên;
- 26.2 Công ty không được là Người có liên quan của Ngân hàng Giám sát, ngân hàng lưu ký của Quỹ, Công ty Đầu tư Chứng khoán mà Công ty đang quản lý. Hội đồng Thành viên, Ban điều hành, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, ban kiểm soát (nếu có) nhân viên của Công ty không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị Quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại.
- 26.3 Người có liên quan của Công ty chỉ được giao dịch chứng chỉ Quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng mà Công ty đang quản lý khi điều lệ quỹ, điều lệ Công ty Đầu tư Chứng khoán có quy định cho phép. Trừ trường hợp là giao dịch trong đợt chào mua công khai hoặc trong đợt chào bán, phát hành ra công chúng, các giao dịch này được thực hiện thông qua hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán (đối với Quỹ đóng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, Quỹ đầu tư bất động sản), hoặc theo các phương thức quy định tại điều lệ quỹ, bản cáo bạch (đối với Quỹ mở).
- 26.4 Công ty, công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, liên kết, Hội đồng Thành viên, Ban điều hành, nhân viên của Công ty chỉ được mua các tài sản trong danh mục tài sản ủy thác hoặc bán cho danh mục của khách hàng ủy thác mà Công ty đang quản lý theo nguyên tắc sau:

- (a) Giao dịch theo phương thức khớp lệnh tập trung thực hiện thông qua hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán;
 - (b) Trường hợp là giao dịch thỏa thuận hoặc tài sản giao dịch không phải là chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên các Sở Giao dịch Chứng khoán thì phải có sự chấp thuận bằng văn bản của khách hàng ủy thác hoặc đại diện khách hàng ủy thác. Ý kiến phải thể hiện việc chấp thuận về loại tài sản giao dịch, về phương thức xác định giá giao dịch, phí giao dịch, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, thời điểm thực hiện giao dịch, các điều kiện khác (nếu có).
- 26.5 Tất cả các giao dịch chứng khoán của Ban điều hành, nhân viên của Công ty phải báo cáo Bộ phận Kiểm soát Nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch. Báo cáo về giao dịch cá nhân phải bao gồm thông tin về loại (mã) chứng khoán, số lượng, giá giao dịch, tổng giá trị giao dịch, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện, số tài khoản giao dịch, công ty chứng khoán nơi mở tài khoản giao dịch. Báo cáo về giao dịch cá nhân phải được lưu trữ và quản lý tập trung tại bộ phận kiểm soát nội bộ và cung cấp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi có yêu cầu.
- 26.6 Hội đồng Thành viên, Ban điều hành, nhân viên của Công ty không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa Công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoài các loại phí và mức phí đã được quy định rõ tại điều lệ quỹ, điều lệ Công ty Đầu tư Chứng khoán, hợp đồng quản lý đầu tư.
- 26.7 Công ty không được phép:
- (a) Sử dụng tài sản của Quỹ, Công ty Đầu tư Chứng khoán để đầu tư vào Quỹ, Công ty Đầu tư Chứng khoán khác do mình quản lý;
 - (b) Sử dụng tài sản ủy thác để đầu tư vào Quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng khác do mình quản lý, hoặc ngược lại. Quy định này không áp dụng trong trường hợp khách hàng ủy thác là cá nhân nước ngoài, tổ chức 100% (một trăm phần trăm) vốn nước ngoài và đã chấp thuận cho phép thực hiện các giao dịch nêu trên;
 - (c) Sử dụng tài sản của Quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng để đầu tư vào chính Công ty; không đầu tư vào tổ chức là Người có liên quan của Công ty; không đầu tư vào tổ chức mà Hội đồng Thành viên, Ban điều hành, nhân viên của Công ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên 10% (mười phần trăm) Vốn điều lệ. Nếu điều lệ quỹ, Công ty Đầu tư Chứng khoán riêng lẻ, hợp đồng quản lý đầu tư, biên bản thỏa thuận góp vốn cho phép Công ty thực hiện các giao dịch nêu trên với mức phí quản lý hợp lý, Công ty có thể sử dụng vốn của Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ, tài sản của nhà đầu tư ủy thác để thực hiện các hoạt động đầu tư nêu trên;

- (d) Sử dụng tài sản ủy thác để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công ty, Người có liên quan hoặc tổ chức, cá nhân khác;

Quy định này không áp dụng trong trường hợp cho vay dưới hình thức đầu tư tiền gửi tại các tổ chức tín dụng theo quy định của Pháp luật, hoặc mua trái phiếu được phát hành, giao dịch trái phiếu theo quy định của Pháp luật; hoặc khách hàng ủy thác là cá nhân nước ngoài, tổ chức 100% (một trăm phần trăm) vốn nước ngoài và đã chấp thuận cho phép thực hiện các giao dịch nêu trên; và

- (e) Cam kết, bảo đảm kết quả đầu tư trừ trường hợp đầu tư vào những sản phẩm có thu nhập cố định; ký các hợp đồng nhận ủy thác đầu tư vào trái phiếu với lãi suất không phù hợp với thực tế thị trường và kết quả phân tích đầu tư của chính Công ty; trực tiếp hay gián tiếp, bù đắp một phần hoặc toàn bộ các khoản thua lỗ của khách hàng ủy thác do hoạt động đầu tư; không được thực hiện các giao dịch nhằm làm giảm lợi nhuận của một khách hàng ủy thác để làm tăng lợi nhuận của một khách hàng ủy thác khác; không được giao kết hợp đồng, thực hiện giao dịch với các điều khoản bất lợi một cách bất hợp lý, không có lý do chính đáng.

26.8 Công ty chỉ được sử dụng vốn chủ sở hữu và vốn của các khách hàng ủy thác để mua và sở hữu (không tính số cổ phiếu trong danh mục của khách hàng ủy thác là Quỹ hoán đổi danh mục) trên 25% (hai mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đại chúng khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây.

- (a) Được sự chấp thuận bằng văn bản của các khách hàng ủy thác hoặc đại diện khách hàng ủy thác về việc chào mua công khai, mức giá chào mua, khối lượng tài sản dự kiến chào mua, phương thức phân phối tài sản sau khi thực hiện chào mua; và
- (b) Công ty thực hiện chào mua công khai theo quy định chào mua công khai của Pháp luật.

Quy định này không áp dụng cho Công ty trong trường hợp đó là một kết quả của hợp nhất hoặc sáp nhập của tổ chức phát hành.

26.9 Công ty không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam để cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, quản lý tài sản ủy thác.

Điều 27. Ủy quyền hoạt động

27.1 Ngoại trừ chức năng đại diện theo ủy quyền của khách hàng ủy thác, Công ty được:

- (a) Ủy quyền cho ngân hàng lưu ký, Trung tâm lưu ký chứng khoán:
- (i) thực hiện các hoạt động quản trị Quỹ, đại lý chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật về thành lập và quản lý các loại Quỹ đầu tư chứng khoán;

- (ii) xác định giá trị tài sản ròng, quản lý sổ đăng ký nhà đầu tư, sổ cổ đông Công ty Đầu tư Chứng khoán;
 - (iii) thực hiện quyền biểu quyết và các quyền sở hữu của khách hàng ủy thác;
- (b) Ủy quyền cho đại lý phân phối cung cấp dịch vụ phân phối chứng chỉ Quỹ đại chúng; và
- (c) Ủy quyền cho tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý, lưu ký phần danh mục tài sản của Quỹ, Công ty Đầu tư Chứng khoán được đầu tư ở nước ngoài phù hợp với các quy định của Pháp luật.

27.2 Hoạt động ủy quyền quy định tại khoản 1 Điều này phải bảo đảm:

- (a) Việc ủy quyền và nguyên tắc của hoạt động ủy quyền phải được quy định tại điều lệ quỹ, Điều lệ Công ty Đầu tư Chứng khoán, hợp đồng quản lý đầu tư; các thông tin cơ bản về bên nhận ủy quyền, phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của bên nhận ủy quyền phải được công bố tại bản cáo bạch, cung cấp cho khách hàng ủy thác. Đại hội nhà đầu tư của Quỹ, đại hội đồng cổ đông Công ty Đầu tư Chứng khoán, khách hàng ủy thác có quyền yêu cầu Công ty thay đổi tổ chức nhận ủy quyền nếu xét thấy cần thiết;
- (b) Bên nhận ủy quyền phải có đủ năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm. Đối với hoạt động ủy quyền quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, bên nhận ủy quyền ở nước ngoài phải đăng ký hoạt động hoặc được cấp phép cho hoạt động nhận ủy quyền, đồng thời chịu sự giám sát bởi cơ quan quản lý giám sát dịch vụ tài chính ở nước sở tại;
- (c) Bộ phận cung cấp dịch vụ của bên nhận ủy quyền phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo;
- (d) Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công ty báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công ty theo quy định của khoản 3 và khoản 5 Điều này; và
- (e) Việc ủy quyền hoạt động và bên nhận ủy quyền theo quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều này phải được nêu rõ tại điều lệ quỹ, Điều lệ Công ty Đầu tư Chứng khoán và công bố tại bản cáo bạch. Việc ủy quyền hoạt động và bên nhận ủy quyền theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này phải được đại hội nhà đầu tư, đại hội đồng cổ đông Công ty Đầu tư Chứng khoán, khách hàng ủy thác chấp thuận bằng văn bản.

27.3 Đối với hoạt động đã ủy quyền, Công ty có trách nhiệm:

- (a) Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công ty phải thẩm định và lập biên bản đánh giá năng lực và cơ sở vật chất bảo đảm bên nhận ủy quyền có đủ trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, an ninh hệ thống, hệ thống dự phòng thảm họa, hệ thống dự phòng nóng, quy trình nghiệp vụ, hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện các hoạt động được ủy quyền;
- (b) Thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của Pháp luật, quy định tại điều lệ quỹ, Điều lệ Công ty Đầu tư Chứng khoán, hợp đồng quản lý đầu tư, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của công ty và của khách hàng ủy thác (nếu có). Công ty được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định tại điểm này;
- (c) Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp để giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền;
- (d) Thiết lập hệ thống, xây dựng quy trình bảo đảm tại mọi thời điểm, Công ty, tổ chức kiểm toán độc lập, UBCKNN có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền;
- (e) Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công ty đối với khách hàng ủy thác. Công ty phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tài chính và pháp lý phát sinh từ việc ủy quyền, trừ các nghĩa vụ pháp lý, các khoản phí mà khách hàng trực tiếp thỏa thuận, thanh toán cho bên nhận ủy quyền trên cơ sở hợp đồng quản lý đầu tư, hợp đồng giám sát, hợp đồng lưu ký, quy định tại điều lệ quỹ, Điều lệ Công ty Đầu tư Chứng khoán và phù hợp với quy định của Pháp luật liên quan. Công ty phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư và dịch vụ cung cấp cho khách hàng ủy thác;
- (f) Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền;
- (g) Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chi thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền; hợp đồng ủy quyền bao gồm các nội dung tối thiểu theo quy định của Pháp luật kèm theo biên bản đánh giá năng lực và cơ sở vật chất. Các tài liệu này phải được cung cấp cho UBCKNN theo yêu cầu;

- (h) Trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày ký hợp đồng với bên nhận ủy quyền đối với các hoạt động ủy quyền quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, Công ty thông báo cho UBCKNN về việc ủy quyền này, kèm theo các tài liệu xác nhận bên nhận ủy quyền đáp ứng quy định của khoản 2 Điều này.
- 27.4 Tối thiểu một năm một lần, công ty phải lập báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ của hoạt động ủy quyền với các nội dung sau:
- (a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với tổng chi phí hoạt động, lợi nhuận, thu nhập của Quỹ, của Công ty Đầu tư Chứng khoán và danh mục ủy thác;
 - (b) Tổng chi phí phải trả cho từng bên nhận ủy quyền, bao gồm chi phí cho hoạt động ủy quyền và chi phí phải trả các dịch vụ khác cung cấp bởi bên nhận ủy quyền; tỷ lệ tổng chi phí phải trả cho từng bên nhận ủy quyền so với tổng chi phí kinh doanh trong năm của Công ty;
 - (c) Các loại hình rủi ro, mức độ rủi ro từ hoạt động ủy quyền đối với tài sản ủy thác và các biện pháp phòng ngừa, quản lý các rủi ro nêu trên; và
 - (d) Đánh giá khả năng duy trì trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, an ninh hệ thống, hệ thống dự phòng thảm họa, hệ thống dự phòng nóng, quy trình nghiệp vụ, hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư và dịch vụ cung cấp cho khách hàng ủy thác.
- 27.5 Các báo cáo về việc kiểm tra, giám sát thực hiện theo quy định của điểm b khoản 3 Điều này, báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ của hoạt động ủy quyền quy định tại khoản 4 Điều này và các tài liệu liên quan khác phải cung cấp cho Hội đồng Thành viên hoặc Chủ sở hữu của Công ty, ban đại diện Quỹ, hội đồng quản trị Công ty Đầu tư Chứng khoán, Ngân hàng Giám sát liên quan và UBCKNN trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày báo cáo được tổng hợp.

Điều 28. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với khách hàng ủy thác và thay thế công ty quản lý Quỹ khác

- 28.1 Công ty chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với khách hàng ủy thác trong các trường hợp sau:
- (a) Tự nguyện chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình đối với khách hàng ủy thác theo các quy định của điều lệ quỹ, Điều lệ Công ty Đầu tư Chứng khoán, hợp đồng quản lý đầu tư;
 - (b) Theo yêu cầu của đại hội nhà đầu tư, đại hội đồng cổ đông Công ty Đầu tư Chứng khoán, khách hàng ủy thác;

- (c) Bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều 70 Luật Chứng khoán;
 - (d) Hợp nhất, sáp nhập với một công ty quản lý Quỹ khác; hoặc
 - (e) Quỹ, Công ty Đầu tư Chứng khoán, hết thời gian hoạt động, hợp đồng quản lý đầu tư hết hiệu lực.
- 28.2 Công ty phải tổ chức họp đại hội nhà đầu tư, đại hội cổ đông Công ty Đầu tư Chứng khoán, khách hàng ủy thác để lấy ý kiến về phương án xử lý tài sản và công ty quản lý quỹ thay thế trong trường hợp quy định tại điểm (a), (c), (d) khoản 1 Điều này.
- 28.3 Quyền và nghĩa vụ đối với khách hàng ủy thác của Công ty chỉ chấm dứt từ thời điểm hoàn tất việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu đối với tài sản ủy thác, bàn giao đầy đủ tài sản, tài liệu chứng minh quyền sở hữu, chứng từ, sổ sách, thông tin về tài sản ủy thác, khách hàng ủy thác cho công ty quản lý quỹ thay thế. Việc chuyển giao tài sản phải được hoàn tất trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của UBCKNN.
- 28.4 Công ty phải hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ nợ, tài sản đối với khách hàng ủy thác mà chưa bàn giao đầy đủ cho công ty quản lý quỹ thay thế. Trong trường hợp này, Công ty chịu trách nhiệm giải quyết và khắc phục những hệ quả phát sinh trong thời hạn ba (03) năm, kể từ khi hoàn tất việc bàn giao tài sản cho công ty quản lý quỹ thay thế.

Điều 29. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp

- 29.1 Mọi tranh chấp giữa Công ty với nhà đầu tư ủy thác trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải.
- 29.2 Trường hợp các bên không tự thỏa thuận được với nhau, tranh chấp sẽ được đưa ra tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam xét xử. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng mà các bên tranh chấp phải tuân theo.

CHƯƠNG V. TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY

Điều 30. Hệ thống kế toán

- 30.1 Công ty phải lập và lưu trữ sổ sách kế toán theo quy định Pháp luật Kế toán Việt Nam.
- 30.2 Công ty phải sử dụng một hệ thống kế toán nội bộ được thiết lập theo phương pháp Kế toán dồn tích, với phương thức kế toán ghi nợ/tín dụng phù hợp với thông lệ quốc tế; chuẩn bị sổ sách kế toán hợp lệ, chính xác và đầy đủ và ghi chép cho Hội đồng Thành viên theo quy định của Pháp luật Việt Nam cũng như đáp ứng yêu cầu của Chủ sở hữu về hệ thống tài chính kế toán.

Điều 31. Năm tài chính

- 31.1 Năm tài chính của công ty bắt đầu từ ngày 1/1 và kết thúc vào ngày 31/12 mỗi năm dương lịch. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động và kết thúc vào ngày 31/12 của năm đó.
- 31.2 Năm tài chính cuối cùng của Công ty là năm khi Công ty chấm dứt hoạt động như nêu tại Điều lệ, và ngày cuối cùng tương ứng của năm tài chính cuối cùng được chấm dứt theo quy định của Pháp luật liên quan. Hội đồng Thành viên có thể thay đổi năm tài chính khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

Điều 32. Kế toán, kiểm toán, thuế

- 32.1 Công ty thực hiện chế độ kế toán, thống kê và thực hiện các nghĩa vụ về thuế theo quy định của Pháp luật hiện hành.
- 32.2 Hội đồng Thành Viên chỉ định một tổ chức kiểm toán độc lập tại Việt Nam hoặc công ty kiểm toán được tin nhiệm được cho phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, được UBCKNN chấp thuận, tổ chức đó có khả năng thực hiện hoạt động kế toán – kiểm toán đáp ứng cả tiêu chuẩn kế toán Việt Nam và quốc tế. Bản báo cáo tài chính hàng năm của Công ty phải được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán nêu trên trước khi nộp cho Hội đồng Thành viên xem xét thông qua.
- 32.3 Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, báo cáo tài chính năm có kiểm toán của Công ty phải được gửi đến UBCKNN và cơ quan thuế có thẩm quyền.

Điều 33. Phân phối lợi nhuận

- 33.1 Lợi nhuận sau thuế trong năm tài chính được dùng để trích lập quỹ dự phòng theo quy định Pháp luật, và trong trường hợp Pháp luật không quy định tỷ lệ trích lập thì tỷ lệ trích lập được quyết định bởi Hội đồng Thành viên.
- 33.2 Hội đồng Thành viên có thể quyết định phân phối phần lợi nhuận thuần còn lại dựa trên các nguyên tắc sau:

- (a) Công ty có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật;
 - (b) Công ty phải có khả năng thanh toán tất cả các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác sau khi phân phối lợi nhuận, tức là không có nợ quá hạn hoặc nghĩa vụ tài sản và không đảo nợ hoặc dùng vốn vay mới để thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn thanh toán;
 - (c) Công ty có đủ nguồn tài chính tại thời điểm phân chia để thực hiện phân chia lợi nhuận cho Chủ sở hữu đảm bảo việc phân chia lợi nhuận không làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 33.3 Khi kinh doanh thua lỗ, Công ty được chuyển lỗ sang năm tiếp theo để được khấu trừ vào thu nhập chịu thuế, tuy nhiên thời gian chuyển lỗ không vượt quá thời gian tối đa cho phép được chuyển lỗ theo quy định của Pháp luật.

Điều 34. Chế độ báo cáo và công bố thông tin

- 34.1 Bên cạnh việc tuân thủ quy định về tài chính kế toán theo quy định Pháp luật, Công ty có nghĩa vụ thực hiện chế độ báo cáo của UBCKNN và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, bao gồm nhưng không hạn chế: (i) các báo cáo định kỳ về hoạt động của Công ty, (ii) báo cáo các sự kiện theo quy định của UBCKNN, và (iii) các báo cáo khác theo yêu cầu của UBCKNN.
- 34.2 Công ty có trách nhiệm cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này. Công ty phải đảm bảo có đủ các tài liệu sau đây tại trụ sở chính và tại các văn phòng đại diện, văn phòng các đại lý phân phối của mình cũng như tại trang thông tin điện tử (website) của công ty để nhà đầu tư tham khảo:
- (a) Điều lệ quỹ, Điều lệ Công ty Đầu tư Chứng khoán, bản cáo bạch;
 - (b) Báo cáo tháng gần nhất và báo cáo năm của quỹ, Công ty Đầu tư Chứng khoán trong năm (05) năm gần nhất;
 - (c) Bản đánh giá mới nhất về tổng giá trị tài sản ròng, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ, cổ phiếu của Công ty Đầu tư Chứng khoán theo quy định của Pháp luật;
 - (d) Đối với nhà đầu tư ủy thác: hợp đồng quản lý danh mục đầu tư với các thông tin cần thiết phải có trong hợp đồng.
- 34.3 Công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ, kể từ khi xảy ra hoặc khi nhận được văn bản chấp thuận của UBCKNN về một trong các sự kiện sau:

- (a) Có quyết định khởi tố, bản án, quyết định của Tòa án đối với thành viên Hội đồng Thành viên, Tổng Giám đốc Điều hành, Giám đốc Tài chính và/ hoặc Kế toán trưởng, Kiểm soát viên của Công ty; hoặc người điều hành quỹ đầu tư chứng khoán; có quyết định khởi tố, bản án, hoặc quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; có kết luận của cơ quan thuế về việc Công ty vi phạm pháp luật về thuế;
- (b) Tài khoản của Công ty tại ngân hàng bị phong toả hoặc tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong toả;
- (c) Tạm ngừng kinh doanh; tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động của Công ty;
- (d) Quyết định của cơ quan có thẩm quyền đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;
- (e) Hội đồng Thành viên hoặc Chủ sở hữu công ty thông qua hợp đồng sáp nhập với một công ty khác; Quyết định hợp nhất, chia, tách, góp vốn liên doanh, chuyển đổi, giải thể Công ty;
- (f) Công ty bị tổn thất từ mười phần trăm (10%) giá trị tài sản trở lên;
- (g) Công ty có sự thay đổi về thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc Điều hành, Giám đốc tài chính và/ hoặc Kế toán trưởng; quyết định bổ nhiệm hay miễn nhiệm người điều hành quỹ đầu tư chứng khoán;
- (h) Công ty có những thay đổi quan trọng trong hoạt động kinh doanh, bao gồm:
 - (i) Thay đổi người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện;
 - (ii) Lạm vào tình trạng phá sản; quyết định giải thể của cơ quan có thẩm quyền;
 - (iii) Giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu vốn góp chiếm từ mười phần trăm (10%) trở lên vốn điều lệ đã góp;
 - (iv) Quyết định tăng hoặc giảm vốn điều lệ;
 - (v) Quyết định thay đổi tên Công ty; thay đổi địa điểm trụ sở chính, văn phòng đại diện, chi nhánh, phòng giao dịch;
 - (vi) Quyết định bổ sung, đưa vào áp dụng, ngừng hoặc rút bớt một hoặc một số loại hình kinh doanh và dịch vụ chứng khoán;
 - (vii) Quyết định thành lập hay đóng cửa Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch ở trong nước hoặc nước ngoài;
 - (viii) Tổng Giám đốc Điều hành Công ty, hoặc người điều hành quỹ đại chúng bị thu hồi chứng chỉ hành nghề chứng khoán.

34.4 Thông tin quy định tại Khoản 2 Điều này được cung cấp miễn phí trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty.

CHƯƠNG VI. GIẢI THỂ, PHÁ SẢN, TÁI CƠ CẤU CÔNG TY

Điều 35. Giải thể Công ty

- 35.1 Công ty bị giải thể bởi quyết định của Hội đồng Thành Viên một trong bất kỳ trường hợp nào sau đây:
- (a) Chủ sở hữu quyết định giải thể Công ty;
 - (b) Sự kiện bất khả kháng xảy ra;
 - (c) Công ty không thể tiến hành hoạt động kinh doanh bởi tình trạng thua lỗ; hoặc
 - (d) Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động.
- 35.2 Công ty chỉ được giải thể khi đảm bảo thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác. Trường hợp hết khả năng thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài chính, việc giải thể thực hiện theo quy định Pháp luật về phá sản.
- 35.3 Sau khi Hội đồng thành viên quyết định giải thể Công ty theo quy định của Điều lệ này, Công ty sẽ đề nghị UBCKNN và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt việc giải thể. Thủ tục giải thể sẽ thực hiện theo quy định của Pháp luật.
- 35.4 Nếu, dựa vào đề xuất giải thể của Công ty, Chủ sở hữu không muốn tiếp tục hoạt động kinh doanh của Công ty, Hội đồng Thành viên sẽ thông qua nghị quyết giải thể Công ty và xây dựng các thủ tục và nguyên tắc giải thể phù hợp với Pháp luật.

Điều 36. Phá sản Công ty

Việc phá sản Công ty được tiến hành theo các quy định của Pháp luật.

Điều 37. Tái cơ cấu Công ty

- 37.1 Việc hợp nhất, sáp nhập phải bảo đảm các nguyên tắc sau:
- (a) Phương án hợp nhất, sáp nhập, hợp đồng hợp nhất, sáp nhập phải được Hội đồng Thành viên thông qua;
 - (b) Quyền lợi, nghĩa vụ được giải quyết theo thỏa thuận giữa các bên có liên quan theo nguyên tắc tự nguyện và phù hợp với quy định của Pháp luật;
 - (c) Không ảnh hưởng đến quyền lợi của khách hàng và các chủ nợ, kể cả trái chủ;
 - (d) Thông tin về quá trình hợp nhất, sáp nhập phải được cung cấp cho thành viên Công ty góp vốn một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác;
 - (e) Cổ phiếu Quỹ của công ty bị hợp nhất, bị sáp nhập phải được hủy bỏ; và
 - (f) Công ty quản lý quỹ được thành lập sau khi hợp nhất, sáp nhập phải đáp ứng điều kiện quy định của Pháp luật.
- 37.2 Trong quá trình hợp nhất, sáp nhập, Công ty, Hội đồng Thành viên, Ban điều hành phải:

- (a) Bảo đảm an toàn tài sản của công ty, không được cất giấu, tẩu tán tài sản của Công ty dưới mọi hình thức và chịu trách nhiệm trước Pháp luật đối với các vấn đề ngoài sổ sách không được bàn giao;
 - (b) Tuân thủ các quy định của Pháp luật về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- 37.3 Các công ty quản lý quỹ tham gia hợp nhất, sáp nhập có quyền, trách nhiệm đối với toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ của mình cho đến khi công ty hình thành sau hợp nhất, nhận sáp nhập được thành lập sau khi hợp nhất, sáp nhập.
- 37.4 Trình tự, thủ tục hợp nhất, sáp nhập thực hiện theo quy định của Pháp luật

Điều 38. Chuyển đổi loại hình Công ty

- 38.1 Công ty khi thực hiện việc chuyển đổi phải được UBCKNN chấp thuận.
- 38.2 Trình tự, thủ tục chuyển đổi loại hình công ty thực hiện theo quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG VII. QUY ĐỊNH VỀ LAO ĐỘNG VÀ BẢO HIỂM

Điều 39. Quản lý lao động

- 39.1 Công ty tuyển dụng nhân viên đáp ứng đủ trình độ chuyên môn để làm việc.
- 39.2 Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Điều hành, tại bất kỳ thời điểm nào nếu Công ty dư thừa nhân viên và người lao động, hoặc nếu có nhân viên vẫn không thể đáp ứng yêu cầu của Công ty sau khi đào tạo và không thể sử dụng nhân viên trong công việc khác, hoặc nếu có nhân viên vi phạm kỷ luật lao động, hoặc các quy định của Công ty, theo đó Công ty có thể sa thải họ theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động cá nhân và theo quy định Pháp luật lao động Việt Nam và các quy định khác, nhưng sẽ bồi thường trong phạm vi theo quy định Pháp luật.
- 39.3 Nhân viên nước ngoài được chuyển thu nhập ra khỏi Việt Nam theo Pháp luật ngoại hối có hiệu lực thi hành tại Việt Nam sau khi thực hiện nghĩa vụ nộp thuế thu nhập theo các quy định về thuế và quản lý ngoại hối tại Việt Nam.
- 39.4 Công ty ký hợp đồng với mỗi nhân viên của Công ty có tính đến các quy định tại Điều lệ này và các quy định của Pháp luật lao động Việt Nam và các quy định khác.
- 39.5 Công ty có thể ký một thỏa ước lao động tập thể với đại diện của người lao động theo quy định của Pháp luật.

Điều 40. Bảo hiểm

- 40.1 Tất cả các loại bảo hiểm cho Công ty được mua theo quy định của Pháp luật từ các công ty bảo hiểm của Việt Nam và/hoặc các công ty bảo hiểm quốc tế phù hợp, là những công ty có khả năng cung cấp bảo hiểm cho Công ty ở mức phù hợp. Các loại bảo hiểm, giá trị bảo hiểm, thời hạn bảo hiểm và các vấn đề khác về bảo hiểm ngoại trừ Điều khoản 40.2 được Tổng Giám đốc Điều hành quyết định.
- 40.2 Các vấn đề liên quan đến bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp được Hội đồng Thành viên thảo luận và quyết định dựa trên các đề xuất của Tổng Giám đốc Điều hành.

CHƯƠNG VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 41. Hiệu lực của Điều lệ

- 41.1 Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng Thành viên chấp thuận như được nêu tại trang đầu tiên của Điều lệ.
- 41.2 Điều lệ này sẽ thay thế bản Điều lệ có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2014 bao gồm cả các bản điều chỉnh theo đó.

Điều 42. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

- 42.1 Các điều khoản này có thể được sửa đổi, bổ sung trên cơ sở quyết định của Hội đồng Thành viên. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải được thông báo đến UBCKNN.
- 42.2 Nếu bất kỳ điều khoản nào của Điều lệ này được kết luận bởi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là không hợp lệ, vô hiệu, bất hợp pháp, không thể thi hành bởi bất kỳ lý do nào, điều khoản đó sẽ được hủy bỏ hoặc một điều khoản tương tự sẽ được thay thế bởi Hội đồng Thành viên. Các điều khoản còn lại vẫn có giá trị hiệu lực đầy đủ.

Điều 43. Văn bản tiếng Việt và tiếng Anh

Điều lệ được lập thành sáu (6) bản gốc, ba (3) bản bằng tiếng Việt và ba (3) bản bằng tiếng Anh. Chủ sở hữu giữ một (1) bản tiếng Việt và một (1) bản tiếng Anh; một (1) bản tiếng Việt và một (1) bản tiếng Anh được nộp cho UBCKNN (Công ty giữ bản thứ ba). Các bản tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị và hiệu lực pháp lý như nhau. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa bản tiếng Anh và bản tiếng Việt, ý kiến nguyên gốc của Chủ sở hữu sẽ được diễn giải trong ngữ cảnh của Điều lệ như một tổng thể.

Điều 44. Ngôn ngữ làm việc

Tiếng Việt và tiếng Anh được xem là ngôn ngữ làm việc nội bộ của Công ty.

Điều 45. Điều khoản từ bỏ

Điều khoản từ bỏ trong Điều lệ này sẽ được thực hiện bởi Chủ sở hữu theo quy định Pháp luật hiện hành có liên quan và Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty.

Điều 46. Luật điều chỉnh

Điều lệ này được xây dựng và điều chỉnh bởi Pháp luật Việt Nam.

Điều 47. Đăng ký Điều lệ và chữ ký

Điều lệ này được ký bởi người đại diện theo ủy quyền của Chủ sở hữu và Tổng Giám đốc Điều hành.

Ký bởi:

Đại diện Chủ sở hữu



Tên : **TRẦN ĐÌNH QUÂN**
Chức vụ : **Tổng Giám đốc Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ Dai-ichi Việt Nam**

Đại diện Công ty



Tên : **TRẦN CHÂU DANH**
Chức vụ : **Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một Thành Viên Quản Lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**



Handwritten signature